TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2022/HNGĐ-ST
Ngày 27/01/2022
V/v không công nhận vợ chồng giữa chị Nông Thị M với anh Trần Hoài N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đàm Thị Kim Duyên
2. Ông Nguyễn Việt Phương

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27/01/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2021/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" (yêu cầu không công nhận vợ chồng) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nông Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh T (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Hoài N, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh T (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị M trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Hoài N tự do tìm hiểu nhau từ năm 1998, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn do hiểu biết về pháp luật hạn chế. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2015 thì chị và anh N sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc

gì đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh N đã hết, không thể tồn tại gia đình hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị với anh Trần Hoài N là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Trần Hoài N có 02 con chung là cháu Trần Trung L, sinh ngày 11/12/1998 đã trưởng thành, đủ khả N lao động để tự lập, nên không yêu cầu giải quyết; cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/8/2008 hiện đang ở với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Trần Hoài N đến để giải quyết vụ án nhưng anh N đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương, hiện nay anh N vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện H, tỉnh T. Theo lời khai của ông Trần Đình T (anh trai ruột của anh N), thì sau khi sống ly thân, anh N sống cùng gia đình anh. Tuy nhiên, anh N đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc và thỉnh thoảng về thăm gia đình. Khi nhận được các văn bản của Tòa án, gia đình đều thông báo lại cho anh N biết nội dung, nhưng anh N không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Về hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị M và anh Trần Hoài N là vợ chồng;

+ Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/8/2008 cho chị Nông Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Trần Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung;

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị M phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo cung cấp của địa phương thì anh Trần Hoài N có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện H, tỉnh T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, anh N và gia đình anh N đã biết nhưng anh N không đến Tòa án để làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M và anh Trần Hoài N về chung sống với nhau từ năm 1998 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ

chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 1998 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Trần Hoài N và vợ là Nông Thị M đăng ký kết hôn tại xã Bạch Xa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng". Chị Nông Thị M và anh Trần Hoài N chung sống với nhau từ năm 1998 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận chị Nông Thị M và anh Trần Hoài N là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nông Thị M và anh Trần Hoài N có 02 con chung là cháu Trần Trung L, sinh ngày 11/12/1998 và cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/8/2008. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con". Chị M xác định cháu L đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc D, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Trần Ngọc D cũng có quan điểm được ở với mẹ, anh N thường xuyên đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình nên không đảm bảo việc trông nom, chăm sóc cháu. Vì vậy, cần giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/8/2008 cho chị Nông Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Do đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị M và anh Trần Hoài N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/8/2008 cho chị Nông Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nông Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên

lai số 0004558, ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, ghi nhận chị M đã thi hành xong khoản tiền án phí. Anh Trần Hoài N không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ma Thị Tuyết Mai